

PHỤ LỤC

GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI THANG ĐO CÓ THỂ SỬ DỤNG TRONG ĐGTX

Thang đo có nhiều loại, nhưng nhìn chung có một số loại thang đo sau đây:

– **Thang đo dạng số:** Đây là một trong những loại thang đo đơn giản nhất. Người sử dụng đánh dấu hoặc khoanh vào một con số chỉ mức độ biểu hiện của một phẩm chất ở HS. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả bằng lời và sự mô tả này thống nhất ở tất cả các câu trong thang đo. Đôi khi người sử dụng thang đo chỉ được chỉ dẫn rằng con số lớn nhất là chỉ mức độ cao nhất, con số nhỏ nhất là chỉ mức độ thấp nhất, những số ở giữa là chỉ các giá trị trung bình.

Thang đo dạng số được sử dụng khi những đặc điểm, phẩm chất đưa ra có thể được phân loại thành một số lượng nhất định các mức độ (từ 3 – 5 mức độ) và có sự thống nhất về giá trị mà mỗi con số đại diện.

Ví dụ về thang đo dạng số:

Hướng dẫn: Hãy chỉ ra mức độ mà HS tham gia vào buổi thảo luận chung của lớp bằng cách khoanh tròn vào những con số tương ứng. Trong đó 1 = không tích cực; 2 = ít tích cực; 3= lúc tích cực, lúc chưa (trung bình); 4 = cơ bản tích cực; 5 = rất tích cực

1. HS tham gia thảo luận ở mức độ nào?

Không tích cực 1 2 3 4 5 Rất tích cực

2. Thang đo các năng lực, phẩm chất (xem chi tiết ở phụ lục)

Hãy **khoanh tròn vào một** số thích hợp biểu thị **đúng nhất** hành vi của HS. *Chỉ chọn 1 trong 3 mức độ.*

(1 = Hiếm khi, không đúng; 2 = Thi thoảng, đôi khi đúng; 3 = Thường xuyên, thường xuyên đúng)

STT	Các chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể) được quan sát ở từng năng lực, phẩm chất	Mức độ		
		1	2	3
Năng lực				
I	Tự phục vụ, tự quản			
1	HS tự chăm sóc thân thể, ăn, mặc gọn gàng sạch sẽ	1	2	3
2	HS tự chuẩn bị đồ dùng học tập cá nhân ở trên lớp	1	2	3
3	HS tự giác hoàn thành công việc được giao đúng hạn	1	2	3
4	HS chủ động khi thực hiện các nhiệm vụ học tập	1	2	3
5	HS tự sắp xếp thời gian học tập, sinh hoạt cá nhân, vui chơi hợp lí	1	2	3
6	HS tự sắp xếp thời gian làm các bài tập theo yêu cầu của GV	1	2	3

3. HS..... có gặp những vấn đề sau đây ở mức độ nào?

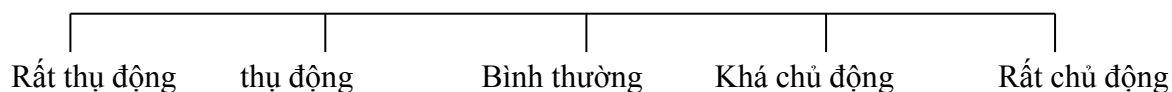
STT	Biểu hiện	Không/ rất hiếm	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Lạnh lùng, ít nói, giao tiếp kém tự tin				
2	Thụ động, không tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập				

3	Hay gây gổ hoặc phá rối, trêu chọc các bạn				
4	Nhút nhát, không thân với bạn nào trong lớp				
5	Làm gì sai hay đổ lỗi cho người khác				
6	Đễ bị kích động, khó kiểm soát xúc cảm tiêu cực				
				

– **Thang đo dạng đồ thị:** Thang đo dạng đồ thị mô tả các mức độ biểu hiện của hành vi theo một trục đường thẳng. Người quan sát đánh dấu vào đoạn thẳng đó. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những vị trí nhất định trên đoạn thẳng nhưng người đánh giá vẫn có thể đánh dấu vào điểm giữa các mức độ trên đoạn thẳng.

Ví dụ:

1. HS tham gia vào các hoạt động chung của lớp thế nào?



Cần lưu ý rằng những mô tả các mức độ trên thang đo dạng đồ thị có thể giống nhau ở tất cả các câu hỏi nhưng cũng có thể mỗi câu hỏi có một cách mô tả mức độ khác nhau.

Mô tả mức độ theo dạng đường thẳng có thể đánh dấu vào khoảng giữa của những mức độ đánh giá giúp cho việc đánh giá chính xác hơn.

Đánh giá bằng thang đo cần tuân theo những yêu cầu/ nguyên tắc sau:

- Những tiêu chí của thang đo cần phải là những nội dung giảng dạy và giáo dục quan trọng.
- Những mô tả trong thang đo phải là những bằng chứng có thể trực tiếp quan sát được.
- Các mức độ và mô tả mức độ của thang đo phải được định nghĩa rõ ràng.
- Nên đưa ra từ 3 đến 5 mức độ trong thang đo.
- Nên cho phép người sử dụng thang đo bỏ qua những câu mà họ cảm thấy không có đủ bằng chứng để đánh giá.
- Nếu có thể, nên kết hợp kết quả đánh giá của nhiều người quan sát trên cùng một đối tượng.

d) Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá môn học (theo chuẩn kiến thức kỹ năng hoặc chuẩn năng lực)

Ví dụ: *Bảng tham chiếu chuẩn đánh giá môn toán giữa học kì I (Lớp 1)*

Theo dõi qua ĐGTX các biểu hiện hành vi của HS, dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng về môn Toán, đến giữa học kì I, GV lượng hoá thành ba mức:

1 = Chưa hoàn thành (CHT): HS chưa thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

2 = Hoàn thành (HT): HS cơ bản thực hiện được yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

3 = Hoàn thành tốt (HTT): HS thực hiện thành thạo yêu cầu này (chỉ báo hành vi).

Mã tham chiếu	Tiêu chí và chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể)	Mức độ		
		CHT (1)	HT (2)	HTT (3)
1.1.1	Biết và hiểu được ý nghĩa của các số tự nhiên cho đến 10			
1.1.1.1	Biết đếm, đọc, viết các số đến 10			
1.1.1.2	Nhận biết số lượng của một nhóm đối tượng (không quá 10 phần tử)			
1.1.1.3	Biết so sánh các số trong phạm vi 10			
1.1.2	Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 5			
1.1.2.1	Sử dụng được các mô hình, hình vẽ, thao tác để minh họa, nhận biết được ý nghĩa của phép cộng trong phạm vi 5			
1.1.2.2	Thuộc bảng cộng trong phạm vi 5 và biết cộng nhẩm được trong phạm vi 5			
1.1.2.3	Bước đầu nhận biết được vai trò của số 0 trong phép cộng (trong phạm vi 5)			
1.1.3	Thực hiện được một số thao tác với hình vuông, hình tròn, hình tam giác			
1.1.3.1	Bước đầu nhận biết hình vuông và nhận ra được hình vuông từ các vật thật			
1.1.3.2	Bước đầu nhận biết hình tròn và nhận ra được hình tròn từ các vật thật			
1.1.3.3	Bước đầu nhận biết hình tam giác và nhận ra hình tam giác từ các vật thật			

Kết quả đánh giá (lượng hoá dựa trên 3 tiêu chí với 9 chỉ báo)

Xếp mức	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt
Số chỉ báo			
Đạt mức			

đ) Bảng kiểm

Bảng kiểm có hình thức và sử dụng gần giống như thang đo. Tuy nhiên, thang đo đòi hỏi người đánh giá chỉ ra mức độ biểu hiện của một phẩm chất hoặc mức độ thường xuyên của một hành vi, còn bảng kiểm chỉ yêu cầu người đánh giá trả lời câu hỏi đơn giản: có / không hoặc đồng ý/không đồng ý.... Đó là phương pháp ghi lại xem một phẩm chất có biểu hiện hay không hoặc một hành vi có được thực hiện hay không.

Bảng kiểm thường được sử dụng khi quá trình đánh giá dựa trên quan sát nhiều hơn là các hình thức kiểm tra viết và kiểm tra miệng. Bảng kiểm cũng có ích trong việc đánh giá những kĩ năng thực hành, nếu nó được chia ra thành những hành động cụ thể.

Ví dụ: Bảng kiểm đánh giá quá trình tham gia một nhiệm vụ học tập

Hướng dẫn: Trong khoảng trống phía trước mỗi câu, hãy đánh dấu + nếu hành động đạt yêu cầu hoặc đánh dấu – nếu hành động không đạt yêu cầu.

1. Thảo luận với các thành viên để thống nhất lựa chọn chủ đề, mục tiêu.

2. Lắng nghe, để hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ được phân công.

3. Lập kế hoạch cá nhân để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

4. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ so với mục tiêu.

5. Báo cáo kết quả, chia sẻ kinh nghiệm, hoàn thiện sản phẩm.

Trong đánh giá thực hành, thí nghiệm... bảng kiểm có thể được thiết kế theo các bước sau:

- Xác định từng hành vi cụ thể trong hoạt động thực hành.
- Có thể thêm vào những hành vi làm sai nếu nó có ích cho việc đánh giá.
- Sắp xếp các hành vi theo đúng thứ tự diễn ra.
- Hướng dẫn cách đánh dấu để nhận biết khi hành vi đó xuất hiện (hoặc đánh số thứ tự các hành vi theo trình tự thực hiện).

Ngoài việc đánh giá những kỹ năng thực hành, bảng kiểm còn được sử dụng để đánh giá sản phẩm. Trong trường hợp đánh giá sản phẩm, bảng kiểm thường bao gồm một dãy những đặc điểm mà một sản phẩm hoàn thiện cần có. GV đánh giá bằng cách kiểm xem từng đặc điểm đưa ra trong thang đo có ở sản phẩm của HS hay không.

Trong lĩnh vực phát triển những kỹ năng xã hội, bảng kiểm có thể là một công cụ thuận tiện để ghi lại những bằng chứng về sự tiến bộ của HS trong một mục tiêu học tập nhất định. Thông thường, bảng kiểm sẽ liệt kê ra những hành vi điển hình cho mục tiêu cần đánh giá và GV quan sát xem những hành vi đó có hay không.

Ví dụ: Đánh giá thói quen làm việc, GV có thể liệt kê ra những hành vi sau (yêu cầu trả lời Có hoặc Không):

	Có	Không
Tôn trọng ý kiến người khác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Yêu cầu được giúp đỡ khi cần thiết.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hợp tác với các bạn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dùng chung dụng cụ học tập với các bạn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Hoàn thành nhiệm vụ được giao...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Kết luận:

Tuy từng loại công cụ quan sát được mô tả riêng biệt, nhưng trong thực tế các loại công cụ quan sát được sử dụng kết hợp với nhau để đánh giá thành quả học tập của HS.

e) Phiếu đánh giá theo tiêu chí

- *Đánh giá theo tiêu chí*: là một kỹ thuật đánh giá thể hiện các yêu cầu về chất lượng. Phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí giúp người học tự định hướng và tự đánh giá cũng như làm phương tiện giao tiếp giữa người học và GV.

Phiếu đánh giá theo tiêu chí là một tập hợp các tiêu chí (được cụ thể hoá thành các chỉ báo hay các biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo đếm được) thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sử dụng để đánh giá hoặc thông báo về sản phẩm, năng lực thực hiện hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ của người học.

Phiếu đánh giá theo tiêu chí bao gồm một hoặc nhiều khía cạnh như năng lực thực hiện

được đánh giá, các định nghĩa và/hoặc ví dụ làm sáng tỏ những yếu tố đang được đánh giá và một thang điểm cho từng khía cạnh. Các khía cạnh thường được gọi là *tiêu chí*, thang đánh giá được gọi là *mức độ*, định nghĩa được gọi là *thông tin mô tả*.

- Các mức độ trong phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí: phiếu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chí gồm các mức độ của năng lực thực hiện và các thông tin mô tả ứng với mỗi mức độ. Sử dụng các mức độ: VD: 3 mức (1, 2, 3), 4 mức (1, 2, 3, 4) hoặc hay 5 mức (1, 2, 3, 4, 5).

Các mức độ có thể là: Chưa tích cực, tích cực, rất tích cực...

Hoặc kiểu thang Likert 5 mức độ, tương ứng với các điểm số từ 1 – 5, trong đó điểm 1 là thấp nhất, điểm 5 là cao nhất.

GV có thể sử dụng kỹ thuật này (mô tả rõ nội hàm từng mức độ của mỗi tiêu chí) để lượng hoá những khái niệm trừu tượng.

GV phải đưa ra các tiêu chí, mỗi tiêu chí lại gồm các chỉ báo mô tả các biểu hiện hành vi đặc trưng... để có bằng chứng rõ ràng cho các đánh giá.

❖ Ví dụ:

Phiếu tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong hợp tác nhóm

(khi thực hiện một nhiệm vụ học tập)

Họ và tên HS:..... Lớp: trường:

1. Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 1 đến 5 (5 là cao nhất)

- **5 điểm:** Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của đề tài và trong tất cả các giai đoạn thực hiện; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).

- **4 điểm:** Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của đề tài).

- **3 điểm:** Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc phát triển các phần khác nhau của đề tài).

- **2 điểm:** Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc phát triển một hoặc hai phần khác nhau của đề tài).

- **1 điểm:** Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian).

Khoanh tròn số điểm của em: **1** **2** **3** **4** **5**

Lí giải ngắn gọn tại sao em lại cho điểm bản thân như vậy:

2. Hãy cho điểm từng bạn trong nhóm:

Bạn:: Bạn:: Bạn:

Bạn:: Bạn:: Bạn:

Bạn:: Bạn:: Bạn:

3. Em có thể lý giải tại sao em lại cho điểm như vậy (nếu được yêu cầu)?

PHỤ LỤC

THANG ĐO NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

(GV có thể tham khảo sử dụng khi đánh giá HS tiểu học)

Họ và tên HS:; Tuổi:; Nam/Nữ: Lớp: Trường:

Họ và tên giáo viên: Ngày đánh giá:

Hướng dẫn: Dưới đây là những biểu hiện hành vi có thể quan sát thấy ở một học sinh (HS). Giáo viên (GV) hãy đọc kỹ từng câu và đánh giá xem HS này thực hiện ở mức độ nào? Hãy **khoanh vào một số** thích hợp biểu thị **đúng nhất** hành vi của HS này. (Chỉ chọn 1 trong 3 mức độ)

1 = Hiếm khi, không đúng; 2 = Thi thoảng, đôi khi đúng; 3 = Thường xuyên, thường xuyên đúng

A. Các năng lực, phẩm chất

STT	Các chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể) được quan sát ở từng năng lực, phẩm chất	Mức độ		
		1	2	3
Năng lực				
I	Tự phục vụ, tự quản			
1	HS tự chăm sóc thân thể, ăn, mặc gọn gàng sạch sẽ	1	2	3
2	HS tự chuẩn bị đồ dùng học tập cá nhân ở trên lớp	1	2	3
3	HS tự giác hoàn thành công việc được giao đúng hạn	1	2	3
4	HS chủ động khi thực hiện các nhiệm vụ học tập	1	2	3
5	HS tự sắp xếp thời gian học tập, sinh hoạt cá nhân, vui chơi hợp lí	1	2	3
6	HS tự sắp xếp thời gian làm các bài tập theo yêu cầu của giáo viên	1	2	3
II	Hợp tác			
7	HS có kĩ năng giao tiếp, sẵn sàng giúp đỡ các bạn	1	2	3
8	HS tích cực tham gia vào các công việc ở tổ/nhóm	1	2	3
9	HS dễ làm quen, dễ dàng kết bạn	1	2	3
10	HS biết nói lời cảm ơn khi người khác giúp mình một điều gì đó	1	2	3
11	HS tích cực, tự giác hoàn thành công việc được nhóm giao đúng hạn	1	2	3
12	HS lắng nghe và dễ dàng hoà thuận với các bạn trong nhóm	1	2	3
III	Tự học và giải quyết vấn đề			
13	HS tự thực hiện được các nhiệm vụ học tập cá nhân, học tập theo nhóm	1	2	3
14	HS tự giác, chủ động hoàn thành các bài tập được giao đúng hạn	1	2	3
15	HS tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh việc học	1	2	3
16	HS vận dụng điều đã học để giải quyết các vấn đề trong học tập	1	2	3
17	Để giải quyết một vấn đề, HS thường cố gắng đến cùng	1	2	3
18	HS chủ động nghĩ ra những cách khác nhau để giải quyết vấn đề	1	2	3
Phẩm chất				
IV	Chăm học, chăm làm			
19	HS tự giác tham gia làm các công việc ở lớp, ở trường	1	2	3
20	HS tích cực thực hiện những công việc được giao, không cần nhắc nhở	1	2	3
21	HS thể hiện sự chăm chỉ, sẵn sàng giúp đỡ các bạn trong lớp	1	2	3
22	HS có sự tập trung, chú ý lắng nghe trong các giờ học	1	2	3

STT	Các chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể) được quan sát ở từng năng lực, phẩm chất	Mức độ		
		1	2	3
23	HS chủ động nêu thắc mắc và tích cực phát biểu ý kiến trong giờ học	1	2	3
24	HS hoàn thành các công việc được giao ở lớp đúng hạn	1	2	3
V	Tự tin, trách nhiệm			
25	HS tự tin trong giao tiếp ứng xử với các bạn trong lớp	1	2	3
26	HS chủ động, tự tin trong các tình huống học tập và rèn luyện	1	2	3
27	HS thể hiện sự tự tin trong các cuộc thảo luận nhóm	1	2	3
28	HS thể hiện tính trách nhiệm trong hoạt động học tập, rèn luyện bản thân	1	2	3
29	HS tự chịu trách nhiệm, không đổ lỗi, sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai	1	2	3
30	HS luôn được các bạn trong nhóm/lớp tin tưởng	1	2	3
VI	Trung thực, kỉ luật			
31	HS thể hiện sự thật thà, ghét sự gian dối	1	2	3
32	HS luôn nói đúng về sự việc, không nói sai về người khác	1	2	3
33	HS biết bảo vệ của công, không lấy những gì không phải của mình	1	2	3
34	HS tôn trọng cam kết, giữ lời hứa	1	2	3
35	HS tôn trọng nội quy và thực hiện nghiêm túc quy định về học tập	1	2	3
36	HS tự giác, tập trung cho các nhiệm vụ học tập, không cần nhắc nhở	1	2	3
VII	Đoàn kết, yêu thương			
37	HS thể hiện sự tôn trọng, nhường nhịn, gắn kết trong nhóm bạn	1	2	3
38	HS biết cách ứng xử, không gây mất đoàn kết trong tổ, lớp	1	2	3
39	HS không nói xấu bạn hoặc ganh ghét các bạn trong lớp	1	2	3
40	HS yêu thương, quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em	1	2	3
41	HS yêu trường, lớp, biết ơn thầy giáo, cô giáo	1	2	3
42	HS yêu thương bạn, sẵn sàng giúp đỡ bạn	1	2	3

B. Học sinh gặp những vấn đề sau đây ở mức độ nào?

STT	Biểu hiện	Không/ rất hiếm	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Lạnh lùng, ít nói, giao tiếp kém tự tin				
2	Thụ động, không tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập				
3	Hay gây gổ hoặc phá rối, trêu chọc các bạn				
4	Nhút nhát, không thân với bạn nào trong lớp				
5	Làm gì sai hay đổ lỗi cho người khác				
6	Dễ bị kích động, khó kiểm soát xúc cảm tiêu cực				
...				

3. Học sinh có những điểm mạnh/khó khăn nào?

a) Những điểm mạnh (về nhận thức, kĩ năng, thái độ)

.....

b) Những điểm học sinh gặp khó khăn

4. Giáo viên đã làm gì để giúp học sinh phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu?

THANG ĐO NĂNG LỰC, PHẨM CHẤT

(GV có thể tham khảo sử dụng khi đánh giá học sinh từ lớp 3 đến lớp 5)

Họ và tên học sinh:; Tuổi:; Nam/Nữ:

Lớp:; Trường:; Ngày đánh giá:

Hướng dẫn: Dưới đây là những hành vi mà một người ở lứa tuổi em có thể làm. Em hãy đọc kĩ từng câu và nghĩ xem mình thực hiện ở mức độ nào? Sau đó **khoanh vào một số** thích hợp biểu thị **đúng nhất** hành vi của mình. (Chỉ chọn 1 trong 3 mức độ)

1 = Hiếm khi, không đúng; 2 = Thi thoảng, đôi khi đúng; 3 = Thường xuyên, thường xuyên đúng

A. Các năng lực, phẩm chất

STT	Các chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể) được quan sát ở từng năng lực, phẩm chất	Mức độ		
		1	2	3
Năng lực				
I	Tự phục vụ, tự quản			
1	Em tự chăm sóc thân thể, ăn, mặc gọn gàng sạch sẽ	1	2	3
2	Em tự chuẩn bị đồ dùng học tập cá nhân ở trên lớp, ở nhà	1	2	3
3	Em tự giác hoàn thành công việc được giao đúng hạn	1	2	3
4	Em chủ động khi thực hiện các nhiệm vụ học tập	1	2	3
5	Em tự sắp xếp thời gian học tập, sinh hoạt cá nhân, vui chơi hợp lí	1	2	3
6	Em tự sắp xếp thời gian làm các bài tập theo yêu cầu của giáo viên	1	2	3
II	Hợp tác			
7	Em có kĩ năng giao tiếp, sẵn sàng giúp đỡ các bạn	1	2	3
8	Em dễ làm quen, dễ dàng kết bạn	1	2	3
9	Em biết nói lời cảm ơn khi người khác giúp mình một điều gì đó	1	2	3
10	Em tích cực, tự giác hoàn thành công việc được nhóm giao đúng hạn	1	2	3
11	Em lắng nghe và dễ dàng thoả thuận với các bạn trong nhóm	1	2	3
12	Em dễ chơi với các bạn dù họ khác mình về nhiều điểm	1	2	3
III	Tự học và giải quyết vấn đề			
13	Em tự thực hiện được các nhiệm vụ học tập cá nhân, học tập theo nhóm	1	2	3
14	Em tự giác, chủ động hoàn thành các bài tập được giao đúng hạn	1	2	3
15	Em tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập để điều chỉnh việc học	1	2	3
16	Em tìm hiểu rõ vấn đề khi có bất đồng, để hiểu lí do, mà không tức giận	1	2	3
17	Để giải quyết một vấn đề, em thường cố gắng đến cùng	1	2	3

STT	Các chỉ báo hành vi (biểu hiện cụ thể) được quan sát ở từng năng lực, phẩm chất	Mức độ		
		1	2	3
18	Em nghĩ ra những cách khác nhau để giải quyết vấn đề	1	2	3
Phẩm chất				
IV	Chăm học, chăm làm			
19	Em tự giác tham gia làm các việc vặt trong nhà giúp bố mẹ	1	2	3
20	Em thích được thầy cô giao các công việc ở lớp, ở trường	1	2	3
21	Em cảm thấy hạnh phúc khi được giúp bố mẹ làm các việc vặt trong nhà	1	2	3
22	Em có sự tập trung, chú ý lắng nghe trong các giờ học	1	2	3
23	Em chủ động nêu thắc mắc và tích cực phát biểu ý kiến trong giờ học	1	2	3
24	Em chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể ở lớp, ở trường	1	2	3
V	Tự tin, trách nhiệm			
25	Em tự tin trong giao tiếp ứng xử với các bạn trong lớp	1	2	3
26	Em chủ động, tự tin trong các tình huống học tập và rèn luyện	1	2	3
27	Em thường tự tin trong các cuộc thảo luận nhóm	1	2	3
28	Em có trách nhiệm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao	1	2	3
29	Em luôn nỗ lực, có trách nhiệm trong học tập, rèn luyện bản thân	1	2	3
30	Em tự chịu trách nhiệm, không đổ lỗi, sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai	1	2	3
VI	Trung thực, kỉ luật			
31	Em yêu sự thật thà, ghét sự gian dối	1	2	3
32	Em nói đúng về sự việc, không nói sai về người khác	1	2	3
33	Em biết bảo vệ của công, không lấy những gì không phải của mình	1	2	3
34	Em tôn trọng cam kết, giữ lời hứa	1	2	3
35	Em tôn trọng nội quy và thực hiện nghiêm túc quy định về học tập	1	2	3
36	Em tự giác, tập trung cho các nhiệm vụ học tập, không cần nhắc nhở	1	2	3
VII	Đoàn kết, yêu thương			
37	Em thể hiện sự tôn trọng, nhường nhịn, gắn kết trong nhóm bạn	1	2	3
38	Em biết cách ứng xử, không gây mất đoàn kết trong tổ, lớp	1	2	3
39	Em không nói xấu sau lưng bạn hoặc gây gổ với các bạn trong lớp	1	2	3
40	Em yêu thương, quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em	1	2	3
41	Em yêu trường, lớp, biết ơn thầy giáo, cô giáo	1	2	3
42	Em yêu thương bạn, sẵn sàng giúp đỡ bạn	1	2	3

B. Em có những điểm mạnh, khó khăn nào?

a) Những điểm mạnh (về nhận thức, kĩ năng, thái độ)

.....
.....
.....

b) Những khó khăn

.....
.....